

8.5. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử về tội phạm này cần lưu ý, nếu đã có bản án, quyết định của Tòa án buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ của mình mà người đó vẫn cố tình không chấp hành, mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 304 Bộ Luật Hình sự về tội không chấp hành án.

9. Hiệu lực thi hành của Thông tư.

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2001.

Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc hoặc chưa được hướng dẫn cần phải giải thích, hướng dẫn bổ sung, thì đề nghị phản ánh cho Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để có sự giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tư pháp
Thứ trưởng

UÔNG CHU LƯU

KT. Bộ trưởng Bộ Công an
Thứ trưởng

LÊ THẾ TIỆM

KT. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
Phó Chánh án

ĐẶNG QUANG PHƯƠNG

KT. Viện trưởng
Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
Phó Viện trưởng

PHẠM SỸ CHIẾN

TÀI CHÍNH - GIAO THÔNG VẬN TẢI

THÔNG TƯ liên tịch số 81/2001/TTLT-BTC-BGTVT ngày 02/10/2001 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Thông tư liên tịch số 56/2000/TTLT-BTC-BGTVT ngày 14/6/2000 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải.

Ngày 14 tháng 6 năm 2000, Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Thông tư liên tịch số 56/2000/TTLT-BTC-BGTVT hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong ngành Đăng kiểm.

Để phù hợp với đặc thù của Cục Đăng kiểm Việt Nam, liên Bộ Tài chính - Giao thông vận tải hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 56/2000/TTLT-BTC-BGTVT ngày 14/6/2000 như sau:

1. Sửa đổi điểm 1 Mục I về đối tượng áp dụng Thông tư như sau:

Đối tượng áp dụng Thông tư này là:

- Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong lĩnh vực đăng kiểm được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập theo Nghị định số 56/CP ngày 02/10/1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích (gọi chung là doanh nghiệp công ích đăng kiểm).

- Riêng đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam do đặc thù về tổ chức và hoạt động nên được áp dụng những quy chế quản lý tài chính quy định tại Thông tư này.

2. Cụm từ "Cơ quan quyết định thành lập" quyết định một số nội dung hoạt động của doanh nghiệp công ích đăng kiểm quy định tại điểm 3 của Mục I; khoản 2.1 điểm 2, khoản 3.1 điểm 3, khoản 5.2 điểm 5, đoạn cuối điểm 6 của Mục II;

điểm 1 và điểm 2 của Mục IV; điểm 2 Mục V trong Thông tư liên tịch số 56/2000/TTLT-BTC-BGTVT đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam là Bộ Giao thông vận tải.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác không đề cập tại Thông tư liên tịch này vẫn thực hiện theo Thông tư liên tịch số 56/2000/TTLT-BTC-BGTVT ngày 14/6/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong ngành Đăng kiểm./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thứ trưởng

PHẠM DUY ANH

BỘ CÔNG AN

THÔNG TƯ số 07/2001/TT-BCA(V19)
ngày 18/9/2001 hướng dẫn thực hiện
Nghị định số 14/2001/NĐ-CP ngày
25/4/2001 của Chính phủ về quản lý
hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo
vệ.

Ngày 25 tháng 4 năm 2001, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 14/2001/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ, để thi hành thống nhất Nghị định nêu trên, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện như sau:

I. VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH
CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ theo quy định của Nghị định số 14/2001/NĐ-CP bao gồm các lĩnh vực sau đây:

a) Bảo vệ con người bao gồm các hoạt động bảo vệ sự an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người được thuê bảo vệ theo hợp đồng;

b) Bảo vệ tài sản và hàng hóa là việc thực hiện các hoạt động bảo vệ nhằm bảo đảm sự an toàn cho tài sản, hàng hóa hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được thuê bảo vệ theo hợp đồng;

c) Sản xuất, sửa chữa phương tiện, hệ thống thiết bị kỹ thuật đặc biệt chuyên dùng cho hoạt động dịch vụ bảo vệ.

2. Những đối tượng, mục tiêu thuộc danh mục Nhà nước quy định do lực lượng Quân đội và Công an nhân dân có trách nhiệm vũ trang canh gác, bảo vệ và những đối tượng mà Chính phủ quy định do lực lượng bảo vệ của các cơ quan, doanh nghiệp đảm nhiệm không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 14/2001/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn này mà thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng đối tượng đó.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 4 Nghị định số 14/2001/NĐ-CP bao gồm:

a) Trang bị các loại vũ khí, các loại công cụ hỗ trợ đã được quy định tại Nghị định số 47/CP ngày 12 tháng 8 năm 1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và Thông tư số 05/TT-BNV(C13) ngày 29 tháng 9 năm 1996 của Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) hướng dẫn thực hiện Nghị định số 47/CP của Chính phủ để hoạt động dịch vụ bảo vệ;

b) Thành lập doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động điều tra bí mật (sử dụng người hoặc phương tiện kỹ thuật để bí mật theo dõi, thu thập các tin tức, tình hình có liên quan đến hoạt động của các cơ quan, tổ chức và cá nhân); các hoạt